

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1982; địa chỉ: 257 Tăng Bạt Hổ, tổ 8, phường Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tôn Long H, sinh năm 1983; địa chỉ: 24B Khu tái định cư Bùi Dự, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Thu N trình bày:

Chị và anh Tôn Long H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2010, nhưng đến ngày 20-8-2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong mọi việc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tôn Long H.

Chị và anh Tôn Long H có hai con chung là cháu Tôn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15-11-2010 và cháu Tôn Huỳnh Thiên K, sinh ngày 06-02-2014. Hiện nay,

cháu Tôn Huỳnh Tấn P đang sống cùng chị và cháu Tôn Huỳnh Thiên K đang sống cùng anh Tôn Long H. Vì vậy, khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tôn Huỳnh Tấn P và anh Tôn Long H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tôn Huỳnh Thiên K.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Tôn Long H. Tuy nhiên, anh Tôn Long H không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh Tôn Long H không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Chị Huỳnh Thị Thu N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Tôn Long H và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu N đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Tôn Long H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Thu N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Tôn Long H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh Tôn Long H tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu N và anh Tôn Long H đăng ký kết hôn ngày 20-8-2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Tôn Long H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để anh Tôn Long H tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc chị Huỳnh Thị Thu N yêu cầu ly hôn nhưng anh Tôn Long H đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ

đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thu N về việc ly hôn anh Tôn Long H là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Chị Huỳnh Thị Thu N và anh Tôn Long H có hai con chung là cháu Tôn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15-11-2010 và cháu Tôn Huỳnh Thiên K, sinh ngày 06-02-2014.

Tại đơn trình bày ngày 04-5-2021, cháu Tôn Huỳnh Tấn P có nguyện vọng được ở với chị Huỳnh Thị Thu N và cháu Tôn Huỳnh Thiên K có nguyện vọng được ở với anh Tôn Long H sau khi cha mẹ ly hôn.

Các đương sự đều có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tôn Huỳnh Tấn P cho chị Huỳnh Thị Thu N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Tôn Huỳnh Thiên K cho anh Tôn Long H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị Thu N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Huỳnh Thị Thu N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a và b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu N.

Chị Huỳnh Thị Thu N được ly hôn anh Tôn Long H.

2. Giao cháu Tôn Huỳnh Tấn P cho chị Huỳnh Thị Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Tôn Huỳnh Tấn P thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao

động và không có tài sản để tự nuôi mình; giao cháu Tôn Huỳnh Thiên K cho anh Tôn Long H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Tôn Huỳnh Thiên K thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0012249 ngày 10-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Huỳnh Thị Thu N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toàn nên họ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường H, thành phố P
(GCNKH số 99 ngày 20-8-2013);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền